TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/DS-ST
Ngày: 12-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Ông Huỳnh Đức Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 282/2024/QĐST-DS ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Đường P, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch G, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Phan Minh Q, sinh năm 1994 – Chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền số 012/QĐ-GTM ngày 19/6/2024.

2/ Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1982

Ông Đặng Trung P, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre

Ông Q có mặt. Ông P, bà M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Phan Minh Q trình bày:

Ngày 22/12/2022, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch G với bà Đặng Thị M, ông Trần Trung P có ký kết hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0169/1222. Hai bên thống nhất Ngân hàng cho bà M, ông P vay số tiền 490.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn sửa chữa chuồng trại và chăn nuôi heo. Thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận là 14,5%/năm (một năm 365 ngày), áp dụng cho 03 tháng đầu tiên, hết 03 tháng lãi suất điều chỉnh theo quy định của ngân hàng, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc hai bên thỏa thuận ngày 22/12/2023, ông P, bà M có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000 đồng; Ngày đáo hạn 23/12/2024 trả số tiền còn lại là 290.000.000 đồng. Lãi vay được trả theo định kỳ vào ngày 10 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 22/12/2022, ông P, bà M đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0146/TC22 đối với tài sản là thửa đất số 339, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.493m^2, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 649929, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02156 được Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 11/6/2014. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn T chứng thực và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M ngày 22/12/2022.

Ngày 23/12/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà M nhận đủ số tiền vay 490.000.000 đồng theo giấy bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 30/11/2023, ông P, bà M đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 143.187.726 đồng (gồm 76.460.000 đồng tiền gốc và 66.727.726 đồng tiền lãi vay). Quá thời hạn phân kỳ trả nợ lần đầu ngày 22/12/2023, ông P, bà M chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 76.460.000 đồng và còn nợ lại số tiền 123.540.000 đồng. Do ông P, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay nên từ ngày 27/12/2023, toàn bộ khoản vay (nợ gốc còn lại phân kỳ trả nợ lần đầu là 123.540.000 đồng và nợ gốc 290.000.000 đồng phần kỳ trả nợ lần cuối) đã chuyển sang hồ sơ nợ quá hạn, thuộc trường hợp phải thu hồi nợ trước hạn. Tính đến ngày 02/4/2024, ông P, bà M còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 434.447.693 đồng (gồm nợ gốc là 413.540.000 đồng, tính lãi trong hạn của số tiền nợ gốc 290.000.000 đồng [do chưa đến thời hạn phân kỳ trả nợ lần cuối nên được tính lãi trong hạn] là 13.398.830 đồng và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 123.540.000 đồng là 7.508.863 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P, bà M có trách nhiệm trả số tiền nợ tính đến ngày 02/4/2024 là 434.447.693 đồng (gồm nợ gốc là 413.540.000 đồng, lãi trong hạn 13.398.830 đồng và lãi quá hạn là 7.508.863 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/4/2024 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng số N.0169/1222 ngày 22/12/2022. Trường hợp ông P, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là thửa đất số 339, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.493m^2, tọa lạc tại xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông P ngày 11/6/2014 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 649929, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02156 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông P, bà M phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Trần Thị M, ông Đặng Trung P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông bà vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị M, ông Đặng Trung P cùng cư trú tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà M, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà M, ông P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà M, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0169/1222 ngày 22/12/2022, kèm theo điều khoản và điều kiện cấp tín dụng; Giấy kê rút vốn kiêm

nhận nợ vay ngày 23/12/2022, có căn cứ xác định bà M, ông P đã giao kết hợp đồng tín dụng và đã nhận đủ số tiền vay 490.000.000 đồng của Ngân hàng. Mục đích vay bổ sung vốn sửa chữa chuồng trại và chăn nuôi heo. Thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận là 14,5%/năm (một năm 365 ngày), áp dụng cho 03 tháng đầu tiên, hết 03 tháng lãi suất điều chỉnh theo quy định ngân hàng, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc hai bên thỏa thuận ngày 22/12/2023, ông P, bà M có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000 đồng; Ngày đáo hạn 23/12/2024 trả số tiền còn lại 290.000.000 đồng. Lãi vay được trả theo định kỳ vào ngày 10 hàng tháng. Hợp đồng tín dụng do bà M, ông P ký, ghi rõ họ tên bên vay. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Sau khi nhận đủ tiền, đến phân kỳ trả nợ đầu tiên ngày 22/12/2023, bà M, ông P chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 76.460.000 đồng và 66.727.726 đồng tiền lãi. Quá thời hạn phân kỳ trả nợ gốc lần đầu ông P, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 123.540.000 đồng nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn và được tính lãi suất quá hạn với số tiền là 7.508.863 đồng. Do ông P, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đầy đủ cho Ngân hàng khi đến hạn là đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0169/1222 ngày 22/12/2022 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 7 Điều 9 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng. Đối với số tiền nợ gốc 290.000.000 đồng còn lại, tuy hiện nay số tiền này chưa đến ngày đáo hạn 23/12/2024 nhưng do bà M, ông P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng phân kỳ trả nợ lần đầu đã được hai bên thỏa thuận nên Ngân hàng chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay là phù hợp. Như vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M, ông P có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi vay trước hạn tính đến ngày 02/4/2024 với số tiền tổng cộng là 434.447.693 đồng (gồm nợ gốc là 413.540.000 đồng, tính lãi trong hạn của số tiền nợ gốc 290.000.000 đồng [do chưa đến thời hạn phân kỳ trả nợ lần cuối nên được tính lãi trong hạn] là 13.398.830 đồng và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 123.540.000 đồng là 7.508.863 đồng) là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà M, ông P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên. Bà M, ông P còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0169/1222 ngày 22/12/2022 từ ngày 03/4/2024 cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là thửa đất số 339, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.493m^2 (có 300m^2 đất ở tại nông thôn và 3.193m^2 đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông P đứng tên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất để thu hồi nợ. Xét thấy, căn cứ vào phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 22/12/2022 do ông P, bà M ký, ghi rõ họ tên người thế chấp và được cơ quan đăng ký là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M chứng nhận. Mặc khác, tại bản cam kết ngày 22/12/2022 của ông P, bà M thể hiện nội dung ông P, bà M cam kết toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số K.0146/TC22 ngày 22/12/2022 bao gồm nhà ở và toàn bộ tiền để xây dựng tài sản gắn liền với thửa đất số 339, tờ bản đồ số 5 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông P, bà M, không có tranh chấp, không bị kê biên. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K.0146/TC22 ngày 22/12/2022 do hai bên tự nguyện giao kết được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M ngày 22/12/2022 theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Do bà M, ông Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự được chấp nhận. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông P, bà M phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà M, ông P phải chịu án phí theo quy định là 434.447.693 đồng = 20.000.000 đồng + (34.447.693 đồng x 4%) = 21.377.908 đồng (làm tròn 21.378.000 đồng). Hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Trần Thị M, ông Đặng Trung P.

Buộc bà Trần Thị M, ông Đặng Trung P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ tính đến ngày 02/4/2024 là 434.447.693đ (Bốn trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng). Trong đó tiền gốc là 413.540.000đ (Bốn trăm mười ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi trong hạn là 13.398.830đ (Mười ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm ba mươi đồng) và lãi quá hạn là 7.508.863đ (Bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

Bà Trần Thị M, ông Đặng Trung P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/4/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0169/1222 ngày 22/12/2022 cho đến khi trả tất nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Trường hợp bà Trần Thị M, ông Đặng Trung P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là thửa đất số 339, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.493m^2 (có 300m^2 đất ở tại nông thôn và 3.193m^2 đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại xã H, huyện M do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Đặng Trung P ngày 11/6/2014 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 649929, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02156 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Trần Thị M, ông Đặng Trung P phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M, ông Đặng Trung P phải chịu số tiền là 21.378.000đ (Hai mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền là 10.688.000đ (Mười triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004973 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị và đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang